

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT HỌC TẬP LẦN 1 (HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2023-2024)
LỚP K16A-D3A (BẠC CAO ĐẲNG TT09, NGÀNH DƯỢC, KHÓA 2022-2025)

TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	Số Đvht :						ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)
				3	4	5	3	5	2				
				(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)				
				TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN				
1	16011014	Trần Trọng An	03/05/2004	0.0	7.8	6.6	5.8	7.3	6.4	6.0	T.bình khá		1=16.7%(1:0)
2	16011013	Lê Thị Quỳnh Anh	21/01/2004	8.7	8.0	7.1	6.1	7.8	7.0	7.5	Khá		
3	16011013	Nguyễn Thị Ánh	19/07/2004	9.3	8.0	7.3	5.8	7.8	6.4	7.5	Khá		
4	16011011	Bùi Viết Chuyên	26/03/2004	9.5	6.8	7.2	5.9	7.4	6.4	7.2	Khá		
5	16011012	Điêu Thị Kiều Diễm	04/01/2004	9.0	6.1	6.7	6.1	3.8	5.8	6.1	T.bình khá		1=16.7%
6	16011019	Hoàng Thị Diệp	28/09/2004	0.0	3.0	0.4	0.0	4.0	5.0	2.0	Yếu		5=83.3%(1:0)(2:0)(4:0)
7	16011016	Bùi Vũ Định	01/10/2001	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5	0.0	0.3	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
8	16011011	Lương Minh Đức	05/04/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
9	16011009	Nguyễn Thị Hải Duyên	03/01/2003	9.4	6.7	7.5	5.8	7.6	7.0	7.4	Khá		
10	16011016	Hoàng Thị Khánh Duyên	09/10/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.4	0.0	0.3	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
11	16011017	Bùi Quỳnh Giang	19/10/2004	7.8	3.0	6.6	5.8	7.0	2.0	5.7	Trung bình		2=33.3%(2:0)(6:0)
12	16011017	Lê Thị Hiền	04/05/2003	8.6	6.8	7.0	5.9	7.4	6.6	7.1	Khá		
13	16011016	Phùng Thị Hồng	02/08/2004	8.6	8.0	7.0	6.3	7.6	7.0	7.4	Khá		
14	16011009	Bùi Thị Quỳnh Hương	27/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.5	0.0	0.3	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
15	16011012	Quách Thị Thu Hương	17/01/2004	0.0	3.1	7.3	5.8	7.4	2.4	4.9	Yếu		3=50.0%(1:0)(2:0)(6:0)
16	16011016	Nguyễn Linh Hương	18/03/2004	8.4	6.6	7.0	5.8	7.3	6.3	7.0	Khá		
17	16011019	Nguyễn Thị Diệu Hương	22/04/2004	0.0	7.8	3.4	5.8	7.8	0.0	4.8	Yếu		3=50.0%(1:0)(6:0)
18	16011019	Trần Thị Thanh Huyền	07/02/2004	0.0	0.0	0.0	0.0	1.6	0.0	0.4	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)
19	16011013	Lý Thu Lan	13/07/2004	8.5	6.7	6.9	6.2	7.8	5.8	7.1	Khá		

			Số Đvht :	3	4	5	3	5	2					
			Số thứ tự :	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)					
TT	Mã số	Họ và tên	Ngày sinh	TH	GPSL	DL	HS	DLĐC	TACN	ĐTB	Xếp loại	Kết quả rèn luyện	Các MH/MĐ thi lại (Stt MH/MĐ : Thi L1)	
20	16011014	Vũ Thị Linh	02/02/2004	8.7	8.2	6.8	6.1	7.8	6.4	7.4	Khá			
21	16011015	Lê Hoài Linh	04/09/2004	8.6	8.1	7.2	6.1	7.9	6.3	7.5	Khá			
22	16011016	Mai Ngọc Linh	17/12/2004	8.1	6.6	6.7	5.8	7.7	6.4	7.0	Khá			
23	16011018	Trương Hoài Linh	04/10/2004	8.9	6.5	6.5	6.3	7.8	6.4	7.1	Khá			
24	16011011	Lò Thị Luyến	04/03/2004	<u>0.0</u>	<u>3.2</u>	<u>0.0</u>	<u>0.9</u>	<u>1.6</u>	<u>0.0</u>	1.1	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)	
25	16011018	Triệu Thị Ly	27/02/2004	8.4	7.2	6.5	6.3	7.8	6.4	7.1	Khá			
26	16011023	Ngô Khánh Ly	07/12/2004	5.1	6.6	6.9	6.1	8.0	5.8	6.6	T.bình khá			
27	16011010	Phùng Thị Ngọc Mai	21/01/2004	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	<u>0.0</u>	0.0	Yếu		6=100.0%(1:0)(2:0)(4:0)(6:0)	
28	16011018	Nguyễn Hoàng Mai	04/11/2004	<u>0.0</u>	<u>2.9</u>	<u>0.4</u>	<u>0.0</u>	7.7	6.2	2.9	Yếu		4=66.7%(1:0)(2:0)(4:0)	